

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 160

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 08.10.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 185, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ thứ bảy.

“Thập hiệu, thứ bảy: Vô Thượng Sĩ. Sĩ là người, tối thắng trong con người, gọi là Vô Thượng Sĩ”.

Chúng ta xem phần trích dẫn trong Kinh Niết Bàn bên dưới. “Kinh Niết Bàn nói: Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ, ví như thân người, đầu là cao nhất, không phải các chi như tay chân. Phật cũng như vậy, là bậc tôn thượng nhất, không phải pháp tăng”.

Sĩ, nghĩa này có mấy cách giải thích. Thứ nhất Sĩ là người, quý vị xem người Trung quốc thường hay gọi nam sĩ, nữ sĩ. Đây là xưng hô người, nghĩa là con người. Xã hội ngày xưa có bố giai cấp: Sĩ nông công thương, sĩ nông công thương đều là người. Người như thế nào mới gọi là sĩ? Thông thường chỉ người đọc sách, hiện nay gọi là phần tử tri thức. Ý nghĩa sâu sắc hơn, sĩ tức là có đức hạnh, có học vấn, có trí tuệ, là thánh hiền nhân mới gọi là sĩ. Trong xã hội thường gọi là cao sĩ, nghĩa là người có đức hạnh, có học vấn, mới có được tôn xưng này.

Phật cũng xưng là sĩ, ở trước thêm vào hai chữ Vô Thượng. Từ đó cho thấy, ở đây nói đến sĩ, trong cách xưng hô thông thường của chúng ta, đây là thánh nhân, hiền nhân, trong Phật pháp xưng là Vô Thượng. Vì trong Phật pháp gọi là thượng sĩ, có A la hán. A la hán còn có ở trên, có Bồ Tát, trên Bồ Tát vẫn còn, đó là Phật. Phật là cao nhất, nên xưng Phật Vô Thượng Sĩ chính là ý này.

Trong Kinh Niết Bàn dùng ví dụ để nói rõ. Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ, nghĩa là Phật gọi là Vô Thượng Sĩ, bên dưới có ví dụ. Ví như thân người, đầu là cao nhất, tay chân, thân thể đều không phải cao nhất. Nên Phật cũng như vậy, là bậc tôn quý hơn cả, tôn quý hơn pháp, tôn quý hơn tăng, nghĩa là nói cao hơn pháp và tăng. Phật không xuất thế, thế gian này không có Phật, như vậy tối thượng nhất là gì? Nói cho chư vị biết, pháp là cao nhất, Phật không trú thế pháp là tối thượng. Vì Tăng là những người tu học Phật pháp, chúng ta phải hiểu được ý nghĩa của Tăng, không phải chỉ riêng cho người xuất gia. Hàng tại gia xuất gia hay nam chúng nữ chúng, chỉ cần y

theo kinh Phật tu hành, đều gọi là tăng. Trong tăng không có xuất gia tại gia, cũng không có nam hay nữ, gọi là Tăng đoàn.

Tăng là bốn người trở lên cùng nhau tu tập, nên nó có nghĩa của chữ “chúng”, nghĩa là đại chúng. Người xưa nói ba người là một chúng, trong Phật giáo bốn người mới gọi là chúng. Nên tăng nghĩa là chúng, tức là nhiều người. Như quân đội, quân đội nhân số rất nhiều, nhưng một người cũng gọi là quân nhân, nên một người cũng gọi là tăng, ý là như vậy. Những kiến thức của Phật học phổ thông này, chúng ta cần phải biết, không biết thường hay sanh ra rất nhiều ngộ nhận.

Bên dưới, “Lại nói”, đây cũng là trong Kinh Niết Bàn nói, ở đây nói rất rõ ràng. “Hữu sở đoạn gọi là Thượng Sĩ”, thượng sĩ có sở đoạn. “Vô sở đoạn gọi là Vô Thượng sĩ”, đoạn tức là đoạn phiền não. Còn có phiền não, còn có sở đoạn, còn sở đoạn gọi là Thượng Sĩ. Ví dụ ta đã đoạn tận kiến tư phiền não, nhưng chưa đoạn được trần sa phiền não và vô minh phiền não, còn có cao hơn. Nhưng đoạn tận kiến hoặc, có thể xưng là Thượng Sĩ, thật là Thượng Sĩ. Người xưa xưng sĩ là giành cho giai cấp sĩ đại phu, những người đọc sách, nhưng họ chưa đoạn được kiến tư phiền não. Nếu đoạn được kiến tư phiền não, đương nhiên vượt qua họ, đây là Thượng Sĩ.

Thượng Sĩ là thánh nhân, không phải phàm phu. Thánh nhân có tiểu thánh, có đại thánh. Tiểu thừa là tiểu thánh, Bích Chi Phật cũng là tiểu thánh, đều đã đoạn được kiến tư phiền não, đoạn tận khí kiến tư phiền não. Bích Chi Phật đến tận khí kiến tư phiền não đều không còn, A la hán vẫn còn tận khí. Bồ Tát đoạn trần sa phiền não, chưa đoạn được vô minh phiền não. Nên địa vị của Bồ Tát cao hơn A la hán, đương nhiên đây là Thượng Sĩ.

Đức Phật đến khởi tâm động niệm đều buông bỏ hết, thể xuất thế gian_ chúng ta nói thể gian là lục đạo, xuất thế gian là tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đây là xuất thế gian. Nói thể xuất thế gian nghĩa mười pháp giới, trong mười pháp giới nghiệp nhân đều đã đoạn tận, như vậy là không còn gì để đoạn, biến thành vô sở đoạn. Vô sở đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ, nghĩa của tên gọi là như vậy. Không còn nữa, họ đã đoạn tận phiền não.

“Hội Sớ giống như hai thuyết ở trên”, đây là giống với những gì trong Kinh Niết Bàn nói. “Sớ nói”- đây là trong Hội Sớ, chú giải Kinh Vô Lượng Thọ- “nghiệp hoặc đoạn tận, càng vô sở đoạn. Đối với thiên nhân phàm thánh trong tam giới, đệ nhất tối thượng vô đẳng, nên hiệu là Vô Thượng Sĩ”. Tam giới là dục giới, sắc giới, vô sắc giới, trong này mục đích chính là thiên nhân, chúng ta nói trời đương nhiên bao gồm người. Dục giới có sáu tầng trời, càng lên cao dục niệm càng ít đi. Nếu dục không khởi tác dụng, không phải thật sự đoạn, mà nó không khởi tác dụng. Vì sao không khởi tác dụng? Vì họ có định công. Trong Phật pháp thường gọi là tứ thiên bát định,

chỉ cần được sơ thiền, định công này có thể không chế được dục vọng, chế phục. Phiền não chưa đoạn, chỉ hàng phục được nó, nó không khởi tác dụng.

Đức Phật chia dục vọng thành năm loại lớn: Tài sắc danh thực thùý. Năm loại dục vọng này đều không chế, đều không khởi tác dụng. Trong này chúng ta phải lưu ý đến, vì sao vậy? Vì tài có thể không cần, sắc cũng có thể viễn ly, danh cũng có thể không cần, nhưng có thể không ăn ư? Có thể không ngủ ư? Hai vấn đề này hình như rất nghiêm trọng, nhưng đích thực nếu sau khi đạt được sơ thiền, nói với chư vị, không cần ngủ nghỉ, luôn luôn tỉnh táo, không cảm thấy mệt mỏi, cũng không cần ăn uống. Không cần ăn uống, dinh dưỡng từ đâu mà có? Trong kinh Đức Phật nói với chúng ta: Thiền duyệt vi thực. Thiền duyệt là gì? Phạm phu chúng ta không thể tưởng tượng được. Ngày nay chúng ta hiểu được một chút khoa học, có một chút khoa học thường thức. Thân thể con người là một bộ máy, hoạt động của máy móc cần năng lượng. Âm thực là năng lượng bổ sung, ngủ nghỉ cũng là năng lượng hoàn nguyên, rất quan trọng. Người có thiền định, họ tiêu hao năng lượng rất ít.

Chúng ta thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một tăng đoàn như vậy_lúc còn trú thế, họ mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ngày ăn một bữa. Lượng công việc, tôi tin là nhiều hơn chúng ta. Mỗi ngày, tức là hiện tại chúng ta ở trong đạo tràng nhỏ này, mọi người có thể thấy được. Từ bốn phương tám hướng, mọi người đến đây tham học, đến bãi phòng tập nập, từ sáng đến tối đều phải xã giao, Phật tại thế không phải rất vất vả sao? Ai cũng muốn đến gặp ngài, ai cũng muốn đưa ra nghi vấn để thỉnh giáo ngài, xin Phật khai thị. Chúng ta có thể nghĩ đến, ngài suốt ngày đêm không được nghỉ ngơi, ngày ăn một bữa được chăng? Được, ngài có định công, thật ra ngài không ăn cũng được. Năng lượng, có thể từ trong tự tánh của chính mình hiển lộ ra. Trong tự tánh có năng lượng viên mãn, có tướng hảo viên mãn, có đức năng viên mãn, có trí tuệ viên mãn, lấy không hết, dùng không tận, đây là thật. Chúng ta mê mất tự tánh, nên những thứ trong tự tánh, chúng ta không dùng được gì cả, chỉ dựa vào công việc. Mỗi ngày ăn cơm, giống như bổ sung năng lượng, đây là một việc khổ sai. Lãng phí bao nhiêu thời gian, lãng phí bao nhiêu tinh thần, có thể không cần thiết. Nhất định phải ăn uống, chú trọng dinh dưỡng này, dinh dưỡng kia. Đó đều là gì? Đó đều là vọng tưởng phân biệt chấp trước của chúng sanh, chúng ta cũng làm theo như thế. Thử hỏi, quý vị xem trâu bò suốt đời chỉ ăn cỏ xanh, không phải cũng rất mập mập, rất mạnh khỏe đó sao? Chúng không ăn loại dinh dưỡng này, không nhiều như vậy. Từ đây chúng ta có thể lãnh hội được, chúng ta cầu học thầy dạy chúng ta, nhất môn thâm nhập, trường thời luân tu. Thật ra đạo lý âm thực cũng không ngoại lệ, cũng là chuyên tu một môn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng biểu diễn cho chúng ta thấy, sáu năm khổ hạnh, mỗi ngày ăn ít mè ít lúa mạch. Mè là gì? Là hạt mè, phải chăng là ăn một hạt? Chúng ta không nên nghĩ như thế, nghĩ như thế không hợp tình hợp lý. Là một loại, ngài chỉ

ăn một loại thực vật này, điều này hợp tình hợp lý. Có thể duy trì được chăng? Có thể, hết thấy đều là: Tất cả pháp từ tâm tướng sanh.

Tôi theo học với thầy Lý mười năm, tôi biết thói quen ăn uống của thầy, vô cùng đơn giản, mỗi ngày chỉ ăn một ít mì sợi. Thầy là người Sơn đông, thích ăn mì sợi, mỗi ngày chỉ ăn một ít mì, phân lượng không nhiều, thêm một ít rau xanh. Không có ai chăm sóc thầy, tự nấu ăn. Nồi nấu mì cũng là bát, nồi nhỏ khoảng chừng này, có tay cầm. Nên sau khi nước sôi, bỏ mì sợi vào, khi nó sôi lại liền bỏ thêm rau xanh vào, thêm vài phút cho nó chín. Tắt lửa đây nắp năm phút, rau chín. Khi đem ra ăn, thêm vào tí dầu, tí muối. Lúc đó tôi cảm thấy rất kỳ lạ, tôi nói: Thầy ơi, dầu và muối vì sao không bỏ vào trước? Như vậy rửa chén bát rất phiền phức, nó không dính dầu, rửa bát dễ dàng hơn. Nên một bữa cơm của thầy, từ khi nấu cho đến lúc ăn xong chưa đến nửa tiếng, nhanh gọn sạch sẽ, ít việc! Thầy ăn ngày một bữa, sáng và tối không ăn, chỉ ăn một bữa trưa, mấy mươi năm như một ngày. Thầy nói với tôi, lúc thầy hơn 30 tuổi, là bắt đầu sống cuộc sống như vậy. Thầy ra đi lúc 97 tuổi, cuộc sống vô cùng đơn giản.

Ở Đài Loan, sinh hoạt phí một tháng của thầy mất bao nhiêu? 60 đồng tiền Đài Loan, bằng một đồng rưỡi USD. Lúc đó USD ở Đài Loan, một đồng đổi thành hơn 30 đồng, cao nhất có thể đổi được 40 đồng. Quý vị thấy đổi được 40 đồng, không phải là một đồng rưỡi sao? Lúc đó tôi cũng học theo thầy, tôi thấy thầy như vậy nên học theo, vì tôi vốn một ngày ăn hai bữa, không ăn tối, nên bỏ bữa ăn sáng rất dễ. Tôi học theo thầy, đã học được năm năm, tôi đã sống như vậy được 5 năm, không khó! Nhưng chúng ta còn trẻ, phiền não nhiều hơn thầy, vọng niệm nhiều hơn thầy. Một ngày thầy dùng hai đồng tiền là đủ, tôi mỗi ngày cần dùng ba đồng, tôi ăn nhiều hơn thầy một chút. Không nhiều hơn bao nhiêu, nhiều hơn một chút. Tôi mỗi tháng cần 90 đồng tiền sinh hoạt phí, khoảng hơn 2 đồng USD.

Tôi ăn đến tháng thứ tám liền báo cáo với thầy, thầy nghe xong câu đầu tiên hỏi tôi: Thân thể cảm thấy có gì khác thường chăng? Tôi nói không có, rất bình thường. Thầy vỗ bàn nói: Tốt, cứ duy trì mãi như thế. Con người đến vô cầu phẩm tự cao, cuộc sống đơn giản không cầu người khác. Nên chúng ta có thể lý giải, người được thiên định, người tâm địa thanh tịnh, có thể đoạn được ẩm thực, cũng có thể đoạn được ngủ nghỉ. Chúng ta có thể nghĩ đến 18 tầng trời của Tứ thiên, chúng sanh trong này, họ không cần ẩm thực, không cần ngủ nghỉ, tinh thần no đủ. Tinh lực đó dùng mãi không hết, đạt được từ trong thiên định.

Trong dinh dưỡng ẩm thực, trong này tôi ngộ được một ít, từng thỉnh giáo với thầy. Tôi đưa ra nhận xét, cũng là một suy nghĩ: Năng lượng của thân thể chúng ta, năng lượng tiêu hao tôi cảm thấy, khoảng 90% trở lên, ít nhất là 90% đến 95%, tiêu hao vào trong vọng niệm. Chánh niệm tiêu hao không nhiều, lao lực tiêu hao cũng không nhiều. Vì sao vậy? Tôi từ thầy Lý nhận thức được điều này. Lượng công việc

của thầy Lý, khoảng bằng lượng công việc của năm người bình thường như chúng ta. Muốn gặp thầy, nhất định phải hẹn trước một tuần, mới có thời gian dành cho quý vị. Nếu đột xuất đến tìm, thầy không có thời gian, thời gian của thầy đều sắp xếp rất sát sao. Mỗi ngày từ sáng đến tối đều sắp kín công việc, công việc hầu như sắp kín đến 9 giờ tối. Buổi tối có một lớp học. Người bận rộn như vậy, nhưng lại sống vô cùng đơn giản. Quý vị xem động tác lúc tôi ra đi thầy đã 80 tuổi, năm tôi theo thầy học thầy 70 tuổi, lúc tôi ra đi thầy 80 tuổi. 80 tuổi nhưng quý vị thấy thầy giống như người năm sáu mươi tuổi vậy, động tác vô cùng nhanh nhẹn. Sau đó tôi ở nước ngoài thời gian dài, thầy 97 tuổi ra đi. Tôi dự đoán, thầy ít nhất cũng phải sống đến một trăm hai ba mươi tuổi. Nguyên nhân gì khiến thầy ra đi? Trúng độc thực vật. Thầy là bác sĩ, cũng là hư hỏng ở bác sĩ. Bác sĩ liều mạng, sau khi ăn vào thực phẩm không được an toàn, thầy dùng thuốc giải. Là các vị đồng học, chúng tôi đều quen biết, nấu mì đưa đến mời thầy dùng. Thói quen của thầy, là luôn ăn trước mặt mọi người rồi trả bát lại cho quý vị, để quý vị sanh tâm hoan hỷ. Không ngờ rằng, bát mì thầy dùng chất chống ảm rất nặng, chính là mua từng bó từng bó bên ngoài, quý vị xem có thể để rất lâu. Nếu không có chất chống ảm, không thể để được lâu như thế. Khi ăn mùi vị không được bình thường, thông thường chúng ta không dám ăn, nhưng thầy vẫn ăn hết. Lần đầu tiên ăn xong, thầy trở về dùng thuốc giải, quả thật đã giải được độc, không sao. Hình như khoảng nửa năm sau, lại gặp phải một lần nữa, thầy cũng không quan tâm. Lần này trở về dùng thuốc giải thì đã muộn, độc đã lan ra, không chữa kịp, thầy bệnh liền hai tháng. Tôi đến thăm thầy, thăm mấy lần. Mỗi lần đến thăm, câu đầu tiên thầy nói với tôi: Ăn thức ăn phải cẩn thận, tuyệt đối đừng đến quán ăn ăn uống, ăn uống ở đó không an toàn. Bởi thế không thể không chú ý đến ẩm thực. Những thứ hết hạn, thứ đã thay đổi mùi vị, tuyệt đối không được ăn, đừng nói người học Phật phải tích phước. Quý vị tích phước, nhưng suốt đời bệnh hoạn, rất nhiều người phải chăm sóc cho quý vị, như vậy gọi là tích phước sao? Không phiền phức đến người khác gọi là tích phước, bởi thế phải biết coi trọng sức khỏe. Người học Phật không có một thân thể mạnh khỏe, điển hình này không tốt. Người ta thấy quý vị học Phật như vậy, còn ai dám học Phật? Nên phải đặc biệt chú ý đến ẩm thực.

Khi tôi học với thầy, từng tham gia không ít buổi tiệc, trong buổi tiệc tôi thường ngồi bên cạnh thầy. Thầy thấy món ăn nào không được bình thường, liền ra hiệu cho tôi đừng ăn. Đậu khuôn đã hư, mùi vị thay đổi. Ở những nơi này đối với giới luật phải biết cách tùy cơ ứng biến. Ví dụ ngũ tân, ngũ tân là: Hành, tỏi, nấm, hẹ, còn có hành tây, nấm loại này. Trong kinh Đức Phật dạy chúng ta, nấm loại này không được ăn, đó là vào thời Đức Phật. Bây giờ ăn được chẳng? Hiện nay phải ăn, vì sao vậy? Đây là giải độc, bây giờ có gì không có độc?

Trước đây chúng tôi ở thư viện Hoa Tạng, chúng tôi có duy nhất một đạo tràng nhỏ này. Quản trưởng họ Hàn dẫn dắt mọi người, quy định mỗi tuần nhất định phải ăn một lần hành tây, hành tây rất khó ăn, hành tây sống rất cay nồng. Nhưng bắt buộc

mỗi người ít nhất, một tuần phải ăn một lát, vì sao vậy? Vì đây là phương pháp giải độc, tăng sức đề kháng cho chúng ta, nó rất có lợi đối với các bệnh cảm mạo thương hàn. Dùng nó như thuốc để trị bệnh, đây không gọi là phá giới. Trong Phật giáo gọi đây là khai, có khai duyên.

Còn có rượu, trong thức ăn chay có thể dùng rượu để nêm nếm chăng? Được, vì nó không say. Vì sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đưa rượu vào trong ngũ giới? Ngũ giới là giới trọng. Thật ra trong ngũ giới, bốn điều trước gọi là tánh giới, tức bản thân thì không được. Rượu gọi là giá giới, giá là dự phòng, dự phòng gì? Dự phòng sợ quý vị phạm giới, là dụng ý này. Dự phòng sau khi say rượu, phạm sát đạo dâm vọng, là ý này. Nên có lần thầy nói với tôi, khi nói với chúng tôi thầy nói nếu tử lượng của chúng tôi, tử lượng của mỗi người đều giống như Trịnh Khương Thành, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không cần chế giới này. Người Trung quốc đều biết câu chuyện 300 ly rượu, câu chuyện này là thật, không phải giả, ông ta là Trịnh Khang Thành_ Trịnh Huyền.

Thầy của Trịnh Huyền là Mã Dung, ông theo học với Mã Dung ba năm. Học vấn của Mã Dung, Trịnh Huyền hầu như nắm bắt được toàn bộ, là một người tuổi còn rất trẻ. Lúc Mã Dung dạy học còn thích nghe âm nhạc. Ông kéo một bức rèm, giống như tấm rèm của chúng ta ở đây. Ông dạy học ở đây, sau bức màn là các cô gái đang đàn ca, hát xướng, ông có nhã hứng này, chức quan của ông cũng rất lớn. Học trò nghe ông diễn giảng, ai không muốn xem những cô gái ở sau bức rèm. Chỉ có mình Trịnh Huyền, ba năm như như bất động, chuyên tâm nghe giảng. Bởi vậy Mã Dung biết, Trịnh Huyền đã học được tất cả học vấn ông có được. Người thầy này rất khó được, là danh nhân của thời nhà Hán, trong Hán Thư có truyện ký của ông. Nhưng tâm lượng rất nhỏ nhen, ông biết học sinh vượt qua thầy, ông có chút đố kỵ, muốn hại Trịnh Huyền. Hại bằng cách nào? Chúc cho Trịnh Huyền say. Lúc Trịnh Khang Thành ra đi, Mã Dung dẫn theo tất cả học trò tiễn Trịnh Huyền mười dặm đường. Mỗi người chúc ba ly rượu, quả thật là hơn 300 ly, khi say dễ hại. Không ngờ sau khi uống xong 300 ly rượu, dù lễ tiết nhỏ cũng không mất, rất khiến người khâm phục. Ngày xưa uống rượu, về sau không có người nào như Trịnh Huyền. Trước Trịnh Huyền cũng chưa nghe nói, sau Trịnh Huyền cũng chưa từng thấy, hơn 300 ly rượu nhưng không hề hấn gì. Câu chuyện xuất phát từ đây, không phải nói một cách tùy tiện, đích thực có người này chuyện này.

Cho nên thầy nói, nếu tử lượng của chúng ta đều giống như Trịnh Huyền, thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không cần lập ra giới cấm này, sẽ không có. Phải hiểu đạo lý này, ngại sợ sau khi ta uống say sẽ loạn tính. Đức Phật là người rất nói đạo lý, chúng ta phải hiểu đạo lý này, ta trì giới mới có phương tiện, mới có mực thước, mới không đến nỗi chết trong giới điều, như vậy là sai. Quý vị chết trong giới điều, không phải là chấp trước sao? Trong Phật pháp điều đầu tiên dạy quý vị phá chấp trước, nên

đạo lý này không thể không hiểu, mỗi giới cấm đều rất linh hoạt. Nên nhất định phải hiểu giới luật là khai giá trị phạm. Khi nào có khai duyên, giới nhất định phải khai. Lúc nào nhất định phải trì thì nhất định không được khai, trong này đặc biệt là rượu, khai duyên của rượu là nhiều nhất. Ví dụ như lúc bệnh, trong thuốc bắc rất nhiều vị dùng rượu làm thuốc dẫn, lúc này cần phải dùng. Quý vị không thể nói lúc trị bệnh tôi cũng phải trì giới, đó là ngu si. Đức Phật không nói như vậy. Còn có một quy định, điều này trong Phật giáo cũng là hiện nay chúng ta không biết, ngày xưa tôi biết trên 70 tuổi, tuổi tác lớn thể lực suy yếu, rượu có thể giúp máu huyết tuần hoàn, nên mỗi bữa ăn có thể uống một ly rượu.

Khi tôi mới học Phật, thường đến Hoa Nghiêm Liên Xã nghe kinh, có khi đến làm công quả. Pháp sư Trí Quang sư phụ của pháp sư Nam Đình, lúc đó ở Đài Loan cũng là người tuổi tác lớn nhất, bảy tám mươi tuổi. Lúc ăn cơm tôi thường ăn cùng họ, bên cạnh hòa thượng có một ly rượu nhỏ, hình như là loại rượu trắng của Cao lương. Tôi cảm thấy rất kỳ lạ nhưng không dám hỏi, về sau đưa vấn đề này ra hỏi thầy Lý. Tôi nói thầy ơi! Con thường ăn cơm với pháp sư Trí Quang, ông đều uống một ly rượu. Thầy gật gật đầu, đó là giúp tuần hoàn máu huyết, là khai duyên, dùng giống như thuốc, chúng tôi mới hiểu được. Bởi thế nếu dùng rượu làm gia vị thì không sao. Hay nói cách khác, nếu đến chỗ đặc biệt phải xã giao, cũng có khai duyên. Ví dụ người có địa vị và quyền thế hiển hách, trong yến tiệc lớn đều có rượu, có thể dùng chãng? Có thể, đó là gì? Độ chúng sanh! Không cần tỏ vẻ quá nghiêm túc, khiến người khác nhìn thấy không dám học Phật. Quý vị xem học Phật như vậy cũng không được ăn, rượu cũng không thể uống, như vậy làm sao học Phật? Lúc đó ta phải biết tùy duyên, để họ cảm thấy thì ra học Phật lại linh hoạt như vậy, thế thì tôi cũng học được. Cần phải hiểu rõ đạo lý này.

Có một lần tôi ở Bắc Kinh, ở trong khách sạn Quốc tế. Ngày hôm đó tôi từ trên lầu đi xuống, đi xuống bằng cầu thang, gặp một Hoa kiều ở Hoa Thịnh Đốn DC, cũng là người rất quen thuộc. Gặp được ông, ông ta họ Từ, cùng họ tục gia với tôi. Ông cưới vợ cho con trai, tiệc cưới ở tầng dưới. Người chứng hôn là Trình Tư Viễn, phó chủ tịch của hội nghị hiệp thương chính trị. Nên người đến tham gia hôn lễ, có rất nhiều bộ trưởng, đều là những quan viên. Tân nương là người Nhật, cô dâu chú rể là bạn học, cùng học ở đại học Bắc Kinh. Nên đại sứ quán Nhật bản, đều là những nhân sĩ của giới xí nghiệp và giới chính trị.

Ông Từ gặp tôi, giữ chặt tôi: Thầy ơi, thầy cũng đến làm người chứng hôn cho con tôi. Trình Tư Viễn là ba của diễn viên điện ảnh Lâm Đại, nên tướng mạo của Lâm Đại rất giống ba cô ta, tôi và Trình Tư Viễn ngồi cùng nhau. Hôm đó trong buổi tiệc, đột xuất bắt tôi đến, nên không có cơm chay, như vậy thì sao? Ăn rau trong thịt, tôi cũng uống với ông một ly rượu. Tôi không cần ông ta thêm rượu, chỉ một ly này thôi.

Trong đó hình như con trai của Liâu Trung Khải, gọi là Liâu Thừa Chí, anh ta cũng có mặt, anh ta đối với tôi có ấn tượng rất tốt.

Anh ta nói: Pháp sư, quý vị rất linh hoạt, vậy chúng tôi cũng có thể học Phật. Tôi nói, đúng vậy Phật pháp rất linh hoạt, không hề cứng nhắc. Quý xem lúc đó tôi đã đồng ý, vì người chúng hôn phải nói vài câu, tôi liền dùng mười phút để giới thiệu Phật pháp. Quý vị xem những người này xưa nay chưa từng có nhân duyên này, làm gì gặp được? Cơ hội tốt này sao có thể bỏ qua? Rất hoan hỷ giao lưu cùng họ, làm sao có thể giúp chúng sanh, nhất định phải nắm bắt cơ hội. Đây đều là phương tiện thiện xảo, trong trí tuệ gọi là quyền trí. Bình thường giới luật này, chúng ta giữ một cách rất nghiêm khắc. Nhưng ở trong trường hợp này nhất định phải hoạt bát, vì những người này nếu học Phật, ảnh hưởng rất lớn.

Hôm nay chúng ta thấy danh từ này, danh từ này có thể là thánh hiền. Vô Thượng Sĩ là thánh hiền, là Phật Bồ Tát.

Bên dưới, “Đại Trí Độ Luận lại nói: Niết Bàn là pháp Vô Thượng. Phật tự tri là niết bàn, không nghe người khác nói, cũng giáo hóa chúng sanh khiến đến niết bàn. Như trong các pháp, niết bàn là vô thượng, trong chúng sanh Phật cũng vô thượng”. Chúng ta xem đến đây. Đây mới một nửa chưa đọc xong, mới một nửa. Niết bàn người xưa gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Niết bàn là tiếng Phạn, thông thường dịch là diệt. Diệt nghĩa là gì? Khổ tập diệt đạo trong Tứ đế. Niết bàn dịch là diệt, diệt là diệt phiền não, diệt sanh tử. Phiền não là nhân, sanh tử là quả. Khi nhân đã diệt, quả đương nhiên không còn.

Ở đâu có sanh diệt? Mười pháp giới có sanh tử, trong mười pháp giới có hai loại sanh tử, trong Lục đạo cả hai loại đều có, phân đoạn sanh tử và biến dị sanh tử, đều có cả. Mặc dù mười pháp giới là Trời sắc giới, Trời vô sắc giới. Thọ mạng của trời Vô sắc giới dài, tầng cao nhất là trời Phi tướng phi phi tướng xứ, thọ mạng tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp là bao nhiêu thời gian? Trong kinh có đưa ra một ví dụ, thế giới của chúng ta, một lần thế giới thành trụ hoại không là một đại kiếp. Hay nói cách khác, thế giới này thành trụ hoại không tám vạn lần, quý vị nói thọ mạng của họ dài bao nhiêu. Thọ mạng của họ chính là định lực của họ, họ có định lực thâm sâu như vậy. Tám vạn đại kiếp đối với chúng ta thì thấy rất dài, rất lâu, nhưng trong toàn thể vũ trụ nó không dài. Hết thời gian tám vạn đại kiếp, định công mất đi trước khi chưa mất, họ đều tự cho rằng đã chứng được đại bát niết bàn, đều đã thành Phật, đây là một sự ngộ nhận. Đến khi định công mất đi, phiền não của họ lại hiện tiền. Khi phiền não tập khí hiện tiền, họ trực tiếp đọa lạc. Ngạn ngữ nói “trèo cao thì té nặng”, họ từ đỉnh của Tam giới rơi xuống, rơi vào nơi thấp nhất của Tam giới. Rơi vào địa ngục A tỳ, họ đọa lạc vào đó.

Vì sao lại rơi vào địa ngục? Họ ở đó nhất định khởi ý niệm: Phật nói chúng được Bát niết bàn là bất sanh bất diệt, sao tôi vẫn còn sanh diệt? Lời Phật nói không đáng tin. Đây gọi là hủy báng Phật, hủy báng Pháp. Tội báng Phật báng Pháp là ở trong địa ngục A tỳ, là nguyên nhân như vậy. Họ có thể đến địa vị cao như vậy, đều là tu được từ trong Phật pháp, tu hành ở trong đạo thánh hiền.

Đức Phật nói Tứ Không Thiên không rốt ráo, chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Định này không được coi là chánh định, trong Phật pháp nói Tam ma đề là chánh định, còn định này không được coi là chánh định. Không ra khỏi luân hồi lục đạo không coi là thành tựu. Phật pháp nói thành tựu, thành tựu thấp nhất là vượt thoát luân hồi lục đạo, nghĩa là chứng được quả A la hán, đây mới là thành tựu nhỏ. A la hán gọi là tiểu quả, vĩnh viễn thoát ly lục đạo. Sau khi thoát ly lục đạo, họ ở trong Tứ thánh pháp giới. Cũng tức là dùng Tịnh độ để nói, là cõi phương tiện hữu dư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Lục đạo là cõi phàm thánh đồng cư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như vậy mọi người sẽ dễ hiểu hơn.

Bí quyết học Phật không có gì khác ngoài cách buông bỏ. Lần đầu tiên tôi gặp đại sư Chương Gia, đại sư nói với tôi: Nhìn thấu buông bỏ. Nhìn thấu là gì? Là thấu triệt, buông bỏ là công phu.

Phật giáo truyền đến Trung quốc, khiến cho cảnh giới của Nho và Đạo đều được nâng cao, nâng cao lên bằng với đại thừa. Vấn đề là gì? Vấn đề là ta phải tu, giải ngộ chưa đủ, giải ngộ không ra khỏi luân hồi. Cần phải chứng ngộ, chứng không có gì khác, là thật sự buông bỏ.

Chúng ta xem tiểu thừa, xem thập tín vị trong Kinh Hoa Nghiêm, đây là pháp đại thừa. Bồ Tát sơ tín của thập tín vị, thập tín giống như tiểu học Phật giáo, sơ tín là lớp một. Họ thuộc địa vị gì? Trong kinh điển đại thừa nói, họ đã đoạn tận 88 phẩm kiến hoặc của Tam giới, nhưng chưa đoạn được tư hoặc. Hoặc nghĩa là mê hoặc, cũng là sai lầm. Tư hoặc là tư tưởng sai lầm, kiến hoặc là kiến giải sai lầm. Đoạn tận kiến giải sai lầm, điều đầu tiên không còn chấp trước thân này là ta, điều đầu tiên trong kiến giải sai lầm, thân không phải là ta. Thân là gì? Thân là ta sở hữu, giống như áo quần vậy, áo quần không phải ta, là ta sở hữu. Nên thân không phải ta, thân là ta sở hữu. Cái gì là ta? Các nhà triết học phương tây nói: “Tôi suy tư tức là tôi hiện hữu”, tôi có thể tưởng tượng, đại khái đó chính là tôi. Đó là đệ lục ý thức, so với chấp trước thân cao siêu hơn nhiều. Họ không chấp trước thân là tôi, họ chấp trước có thể tư duy là tôi, có thể suy nghĩ là tôi.

Thật ra người xưa nói, người xưa nói linh hồn, trong lục đạo linh hồn đích thực là bất diệt, trong lục đạo. Nó ở trong lục đạo xả thân thọ thân đều trôi lăn trong luân hồi, gặp được duyên nó được một thân thể, chúng ta nói nó đầu thai vào trong lục đạo. Khi hết duyên, thân này băng hoại, chúng ta nói đã chết, chết là gì? Thân thể đã chết,

thân có sanh diệt, linh hồn không có sanh diệt, nhưng linh hồn mê hoặc. Nếu nó không mê hoặc sẽ không đi đầu thai, mê hoặc mới đi đầu thai. Nên nó không phải là cái tôi thật sự, cái tôi thật trong Phật pháp gọi là linh tánh. Linh tánh là giác ngộ, không mê. Hồn là mê hồn, không linh. Linh hồn là tăng bốc nó, hồn không linh.

Khổng lão phu tử đối với hồn_trên thực tế ông biết, ông gọi là du hồn, rất có lý, vì tốc độ của linh hồn rất lớn. Ví dụ nói ở Trung quốc, ở Mỹ, quý vị thấy khoảng cách rất xa. Từ HongKong bay đến phía tây nước Mỹ phải mất mười mấy tiếng, linh hồn chỉ trong sát na là đến được, tốc độ của nó rất nhanh. Nên gọi nó là du hồn, rất có lý. Khi chúng ta xem từ trên danh từ này, chúng ta biết Khổng lão phu tử không phải người bình thường. Tôi cho rằng ông là Phật Bồ Tát tái sanh, là Phật Bồ Tát ứng hóa. Tôi cũng từng đem tư tưởng này, nhờ thầy ấn chứng. Thầy nghe xong mỉm cười, về lý có thể nói như thế, nhưng về sự không có chứng cứ. Thầy trả lời tôi hai câu như thế: Về lý thì được, nhưng về sự không có chứng cứ. Ông không tuyên bố, không tuyên bố với mọi người ông là Bồ Tát gì tái sanh, nên hậu nhân gọi ông là Đồng nho Bồ Tát. Đó là cách xung hô thông thường, không có căn cứ, nhưng chắc chắn là Phật Bồ Tát tái sanh. Nên những gì ông nói, rất nhiều điều gần với khái niệm của đại thừa, mà phương pháp tu hành cũng rất gần gũi. Tuy trước tác của ông không nhiều, nhưng có sức ảnh hưởng rất lớn đối với văn hóa truyền thống xưa.

Thật sự chứng được niết bàn, bản thân tự biết, điều này không cần hỏi người khác. Nhưng không ai ấn chứng cho quý vị, như vậy rất khó chứng minh cho người khác, đây là vì giáo hóa chúng sanh. Vì giáo hóa chúng sanh, nhất định phải tìm một người để chứng minh cho chúng ta. Ai chứng minh? Người chứng minh nhất định phải là người khai ngộ, phải tìm người như vậy.

Lục tổ Huệ Năng, từ Kinh Pháp Bảo Đàn chúng ta thấy, quý vị quan sát tỉ mỉ, ngộ tánh của ngài rất cao. Trong Kinh Kim Cang nói: “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, lúc ngài đi bán củi nghe được câu này, liền có sở ngộ rất sâu sắc. Ở Hoàng Mai, nghe Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn giảng đại ý Kinh Kim Cang, cũng nói đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài hoát nhiên đại ngộ, liền đưa ra sự lãnh ngộ của mình đối với tự tánh. Ngài nói ra năm câu 20 chữ, Ngũ Tổ liền ấn chứng cho, truyền y bát cho ngài, làm tổ sư đời thứ sáu của Thiên tông. Bởi thế ngộ, bản thân rất rõ ràng.

Thực tế mà nói, trong kinh nói không sai chút nào, “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Hiện nay thì sao? Hiện nay mê mất tự tánh, chư Phật thấy chúng ta là Phật hồ đồ, các ngài là Phật giác ngộ, chúng ta là Phật hồ đồ. Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh, luôn luôn cung kính. Họ cung kính chúng ta, chúng ta không biết cung kính họ. Chúng ta đang mê, còn họ giác ngộ. Họ biết được chân tướng thật, chúng ta hoàn toàn không biết gì. Không những tất cả chúng sanh là Phật, trong Kinh Hoa Nghiêm còn nói “tinh dữ vô tình đồng viên chủng trí”. Đó nghĩa là nói mười phương

quốc độ vi trần thế giới, đều là Phật. Phật là gì? Phật là Niết bàn, niết bàn là gì? Niết bàn là tự tánh, là một không phải hai.

Những điều trong kinh điển nói không có gì khác, toàn là chính mình. Nếu con người thật sự hiểu được chân tướng sự thật này, tôi tin rằng mỗi người đều thích học tập kinh điển đại thừa. Vì sao vậy? Hiểu rõ bản thân, thế gian chúng ta thường gọi là tự hiểu về mình. Tự biết mình đến cứu cánh viên mãn chính là Phật, sau đó biết được học Phật với chính mình có mối liên quan vô cùng mật thiết, sao có thể không học Phật?

Phật là ai? Phật là chính mình. Tự tánh giác gọi là Phật, tự tánh mê gọi là phàm phu. Tự tánh không có mê ngộ, mê ngộ ở con người, tự tánh làm gì có mê ngộ! Vì thế chúng ta phải buông bỏ mê hoặc, giác ngộ là hiện thành, bóng tối không còn thì ánh sáng xuất hiện. Cổ nhân thường nói: “đản tận vọng tình, biệt vô thắng giải”, chỉ cần buông bỏ hư vọng tình chấp, như vậy là ngộ!

“Niết bàn vô thượng, Phật cũng vô thượng. Lại nữa, trì giới, thiền định, trí tuệ giáo hóa chúng sanh, tất cả không có ai bằng được, huống gì có thể vượt qua, nên gọi là vô thượng”. Đoạn này là nói Phật giáo hóa chúng sanh, ngài dùng điều gì để giáo hóa chúng sanh? Là tam học giới định tuệ. Tất cả chúng sanh tu hành chứng quả, chính là trì giới, thiền định và trí tuệ. Đừng cầu trí tuệ, cầu không được, cầu là sai, là mê. Định, định đến một trình độ nhất định liền khai trí tuệ, trí tuệ chưa khai là vì định chưa đủ trình độ.

Thật ra định có rất nhiều tầng lớp, mặc dù trí tuệ đã khai cũng đừng để trong lòng, để trong lòng ta chỉ đứng yên ở vị trí đó, không thể nâng cao, không cần để ý đến nó. Như vậy công phu của định ngày càng thâm sâu, định ngày càng sâu thì trí tuệ ngày càng lớn. Trong định có thể kiểm nghiệm cảnh giới của chính mình, vì sao vậy? Trong định thời gian và không gian đều không có.

Trong khoa học nói, khác tầng không gian ta đều thấy được, phải đến đâu? Nhìn thấy nguyên khởi của A lại da, nhìn thấy nguyên khởi của vũ trụ. Đây là gì? Đây là Bồ Tát. A la hán không thấy được, Bồ Tát nhìn thấy, đó là pháp thân đại sĩ, họ đều thấy được. Còn phải nâng cao, vì sao vậy? Vì chưa đoạn tận tập khí vô minh, nâng cao này gọi là vô công dụng đạo. Cổ nhân nói, “ở đây không thể dùng lực”. Tất cả đều ở trong định, duy trì ở trong định, dần dần đào thải hết tập khí vô minh. Khi tập khí vô minh đoạn tận, cảnh giới nào xuất hiện? Cõi thật báo không còn, bản thân ta biết được mình đi vào Diệu giác vị. Cõi thật báo trang nghiêm là tập khí vô minh hiện ra cảnh giới như vậy. Nên trong kinh Bát Nhã nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, là thật hoàn toàn không phải giả. “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Đây là chân tướng sự thật, thuật ngữ Phật pháp gọi là thật tướng các pháp, tướng chân thật của tất cả pháp. Sau

đó mới hoá nhiên đại ngộ, biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể. Đó là gì? Ta sẽ chứng được pháp thân, pháp thân là gì? Nhận thức pháp nghĩa là thân, thân của ai? Chính là thân của tôi. Thân của tôi, thân của bạn, thân của anh ta là cùng một thân. Biến pháp giới hư không giới là chính mình, một tâm, một tánh, một tướng, pháp tướng. Nên tánh không sanh diệt, tướng cũng không sanh diệt, nó khởi tác dụng liên tục.

Chúng ta nói trong kiến tu phiền não, không có thân kiến, biên kiến cũng không có. Biên kiến là gì? Là đối lập, ngày nay học là tương đối. Không có đối lập, không có mâu thuẫn, không có xung đột. Nâng cao hơn nữa là không còn chấp trước, trong chấp trước quan trọng nhất là không còn tình chấp, không còn phân biệt, trí tuệ hiện tiền! Đây là gì? Trì giới, thiền định, trí tuệ hiện tiền. Bồ Tát là thành Phật như vậy, nếu chúng ta muốn thành tựu nhất định phải đi con đường này.

Trì giới bắt đầu từ đâu? Phật giáo truyền vào Trung quốc, đầu tiên phải bắt đầu học từ tiểu thừa. Giới tiểu thừa là gì? Dạy cách làm người, pháp nhân thiên vẫn chưa đến tiểu thừa, vì sao vậy? Vì nền tảng của tiểu thừa, con người chưa tốt, làm sao có thể thành Phật? Làm gì có đạo lý này?

Từ giữa thời nhà Đường về sau, không học tiểu thừa. Kinh điển tiểu thừa tuy cất giữ rất hoàn chỉnh, nhưng không còn ai học. Lúc ở Đài Trung, thầy Lý dạy những người trẻ tuổi như chúng tôi, học giảng kinh, học kinh điển, vẫn phải bắt đầu từ kinh điển tiểu thừa, nên tôi ít nhiều cũng đã học được hơn 30 bộ kinh tiểu thừa. Phân lượng kinh điển tiểu thừa rất nhiều, nhưng kinh văn không dài. Thông thường một bộ kinh không quá 20 trang, không nhiều hơn, nó cũng có gần 3000 loại. Người xưa dùng Nho và Đạo để thay thế. Trước đây vào thời đại Đường Tống, đích thực họ dùng Lão Tử, Trang Tử, Liệt Tử, dùng Tứ thư ngũ kinh của Nho gia, dùng những thứ này để thay thế tiểu thừa, rất thích hợp. Những thứ này không kém tiểu thừa, sau khi học xong cảnh giới còn cao hơn tiểu thừa, rất dễ nhập đại thừa. Về sau dùng Nho Đạo làm nền tảng, Nho Thích Đạo hợp nhất, trong truyền thống văn hóa xưa có tên là Nho Thích Đạo. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế Nho Thích Đạo đã dung hợp thành nhất thể.

Quý vị xem một vài sách cổ Đạo sĩ, những đạo trưởng, quý vị hỏi họ có đọc kinh Phật chăng? Có, đọc sách Nho giáo, tất cả đều có. Nhà Nho các thời đại đều học Phật, Chu Hy học Phật, Hàn Dũ sau cùng cũng học Phật, mới đầu là bài xích Phật giáo, về sau gặp được hòa thượng Đại Điền, thông triệt rồi cũng học Phật. Nên nhà Nho lớn của các đời, họ đều học Phật và Đạo. Hồ Khê Tam Tiểu không phải là ba người của Nho Thích Đạo sao? Đại biểu cho Phật giáo là đại sư Huệ Viễn, sơ tổ của Tịnh độ tông. Đào Uyên Minh đại biểu Nho giáo, Lục đạo trưởng đại biểu Đạo giáo. Nho Thích Đạo là bạn tốt của nhau, ngày ngày cùng nhau đàm luận về học vấn, không

phân biệt! Vì sao vậy? Vì đến cảnh giới đó mới biết được, toàn là xuất phát từ tự tánh, không có pháp nào không phải từ trong tự tánh hiển lộ ra. Còn có một câu nói rất thú vị: Không có pháp nào không trở về tự tánh. Tôi cảm thấy câu này ý nghĩa rất thâm sâu, từ tự tánh hiển lộ ra, sau cùng lại trở về tự tánh. Đây là gì? Một sự tuần hoàn, nếu không tuần hoàn như vậy, sao trong kinh Phật lại nói một câu như vậy!

Hiện nay sự tuần hoàn này hình như đã được các nhà khoa học phát hiện, khởi nguồn của vũ trụ chính là khởi nguồn của A lại da. Hiện nay các nhà lượng tử lực học phát hiện, họ phát hiện toàn thể vũ trụ là từ dao động phát sanh. Dao động là gì? Ý niệm, tư tưởng. Ý niệm khởi, ý niệm này khởi lên thì ý niệm kia diệt, giống với Bồ Tát Di Lặc nói. Trong kinh thường nói “nhất niệm bất giác”, bất giác là động, giác tâm bất động. Giác ngộ sẽ không động, không giác sẽ động. Động liền sanh ra A lại da, A lại da là chủ tạo vật của vũ trụ, từ nó sanh ra. Trong kinh điển nói rất rõ ràng, năng sanh năng hiện là tự tánh, năng biến là A lại da. Nên thập pháp giới y chánh trang nghiêm thiên biến vạn hóa, đây là A lại da khởi tác dụng. Phải chăng sau cùng là trở về? Hình như là đã trở về. Đây là các nhà khoa học nói, vũ trụ mà máy móc khoa học quan sát được, họ nói chỉ có 10% của vũ trụ, còn 90% không thấy. Không thấy là sao? Đã trở về, vẫn là trở về với tự tánh, đã trở về, trở về thường tịch quang. Thường tịch quang, máy móc tinh vi cũng không cách nào đo lường được, vì nó không phải tinh thần, cũng không phải vật chất. Nó không có bất kỳ dấu tích, ta không cách nào đo lường được, giống như là một sự tuần hoàn lớn.

Vấn đề này lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na từng đề cập đến vấn đề này. Hỏi một cách rất thú vị, cũng là điều chúng ta muốn biết. Trở về hoàn nguyên là thành Phật mới trở về, Diệu giác mới trở về, trở về đến thường tịch quang. Từ thường tịch quang biến hiện ra, điều này có thể hiểu vật chất là từ không sanh ra có. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là từ không sanh ra có. Không là thường tịch quang, là tự tánh, từ đây biến hiện ra.

Mọi người mê muội, càng mê càng sâu nên mười pháp giới xuất hiện, lục đạo xuất hiện, xuất hiện tam đồ, xuất hiện địa ngục, càng mê càng sâu. Có nhân duyên gặp được Phật pháp tu hành từ từ, lại không biết trải qua bao nhiêu thời gian, nhà Phật nói vô lượng kiếp. Quý vị chứng được A la hán, chứng được Bồ Tát, sau cùng thành Phật lại trở về. Đến Diệu giác vị lại trở về tự tánh, đây là một đại tuần hoàn.

Ngài Phú Lô Na hỏi: Sau khi trở về tự tánh, có còn trở thành phàm phu chăng? Sau khi đã trở về tự tánh phải chăng là bắt đầu lại từ đầu? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói không như vậy, vì sao không? Vì lúc này trí tuệ hoàn toàn hiện tiền, đã viên mãn, trí tuệ viên mãn sẽ không còn mê. Ngài đưa ra một ví dụ, ví dụ như vàng, vàng được luyện ra từ quặng. Sau khi luyện thành vàng, nó sẽ không còn trở lại thành quặng. Đức Phật đã dùng ví dụ như thế. Khi đã luyện ra thuần vàng, nó có biến thành quặng chăng?

Chúng ta vút vàng này vào trong đồng rác, xem mấy mươi vạn năm sau nó có biến thành quặng chẳng? Tôi tin rằng vàng vĩnh viễn không biến thành quặng, nhưng bên ngoài nó bị nhiễm ô, như vậy sẽ biến thành khoáng thạch. Phải tiếp tục trải qua rèn luyện, không trải qua rèn luyện vẫn không có được thuần kim.

Tôi nghĩ, Đức Phật nói lời này phải chẳng là phương tiện nói? Vì nếu tương lai về sau vẫn làm phàm phu, thì thôi vậy, tôi còn học Phật làm gì? Tôi không học nữa. Học đến sau cùng cũng phải luân hồi, vậy thì học có nghĩa lý gì? Tôi thấy đây là lời Đức Phật khuyến khích chúng ta, đồng thời cũng là lời chân thật, vì Phật không vọng ngữ. Trải qua lần tôi luyện này, mặc dù còn nhiễm ô nhưng rất dễ giác ngộ. Căn tánh người đó sao lại sắc bén như thế? Có người căn tánh vì sao lại rất chậm như vậy? Từ đây chúng ta có thể lãnh hội được, người căn tánh sắc bén là gì? Khi quay đầu họ rất sắc bén, hưởng gì sau khi trở về tự tánh, có khởi tác dụng chẳng? Khởi tác dụng. Chúng sanh có cảm, họ liền có ứng, tùy tâm ứng hóa. Cần dùng thân gì để độ thoát, tự tánh liền hiện ra thân đó. Đây là Như Lai hiện thân, không phải pháp thân Bồ Tát trong cõi thật báo. Pháp thân Bồ Tát có cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh, mang theo tập khí vô minh. Chư Phật Như Lai trong cõi thường tịch quang, ứng hóa ở thế gian không có tập khí, điều này không giống nhau. Họ khởi tác dụng, chứ chẳng phải không khởi tác dụng. Họ khởi tác dụng, chúng ta tin lời Phật nói là thật, họ sẽ không còn trở thành phàm phu. Cho nên câu này cũng có rất nhiều cách giải thích, đều rất hợp lý, đều có thể nói ra rất nhiều đạo lý, nhưng không bị mâu thuẫn. Đây là diệu dụng vô phương trong Phật pháp. Vì vậy trì giới, thiền định, trí tuệ vô cùng quan trọng.

Tôi cảm thấy những điều Townenbe nói: Tâm lượng người xưa rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc, chính là chỉ Phật giáo. Phật giáo truyền đến Trung quốc, người xưa hoàn toàn tiếp thu, không bài xích. Văn hóa Phật giáo làm phong phú nền văn hóa bản địa, đây là dung hợp. Nâng cao nền văn hóa bản địa, nói rất hay. Nâng cao là nâng cao như thế nào? Nghĩa là giới định tuệ, đây là Phật pháp, về sau như thế nào? Nho giáo cũng áp dụng giới định tuệ, Đạo giáo cũng dùng giới định tuệ, phương pháp này học được từ Phật giáo.

Ngày xưa người dạy học, đều là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Quý vị muốn làm nhà thông thái thì mọi thứ đều thông, nhất định phải từ nhất môn thâm nhập, bằng không không thông được. Nhất môn thâm nhập là gì? Kiến tánh là thông triệt tất cả. Minh tâm kiến tánh, trí tuệ khai mở liền thông triệt tất cả. Cho nên quý vị phải biết học Nho, nếu học Nho được định cũng khai trí tuệ, lúc này Phật pháp cũng thông mà Đạo cũng thông. Đạo giáo trì giới, tu thiền định trí tuệ khai, thì Nho cũng thông, Phật cũng thông. Đừng nói Nho Thích Đạo, mà tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới đều thấu triệt hoàn toàn. Vì sao vậy? Vì tâm hiện. Quý vị minh tâm kiến tánh, làm gì có chuyện không thấu triệt, mọi thứ đều thông. Nên trong Phật pháp nói: một kinh thông, tất cả các kinh đều thông; một môn thông các môn đều thông.

Phải thông bằng cách nào? Nhất định phải từ thiên định, nhất định phải buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Dùng phương pháp khoa học tuyệt đối không đạt được cảnh giới này, vì sao vậy? Vì họ dùng ý thức. Quý vị xem trong Phật pháp chủ trương điều gì? Là tâm ý thức. Tâm là A lại da, ý là Mạt na, thức là đệ lục ý thức. Ngày nay chúng ta nói, ba cái trụ trong hiện tượng tinh thần. Là tâm ý thức, tâm là gì? Là ấn tượng. Là tâm là gì? Không để lại ấn tượng, tâm địa thanh tịnh, cũng chính là không bị ô nhiễm, đây là là tâm. Là ý, ý là chấp trước. Thức, thức là phân biệt. Vì có phân biệt, có chấp trước, A lại da liền bị nhiễm ô, vì sao vậy? Nó để lại dấu ấn, rót lại chủng tử trong A lại da, điều này chúng sanh trong mười pháp giới, đều không sao tránh khỏi.

Vì sao Phật trong mười pháp giới không phải là chân Phật? Đại sư Thiên Thai gọi là tương tự tức Phật, họ không phải chân Phật, nguyên nhân chính là họ dùng A lại da. Trong A lại da tuy rơi rớt vô lượng chủng tử, nhưng người trong tứ thánh pháp giới rất giỏi, định công của họ là thật không phải giả. Họ có thể chế phục, khiến những chủng tử thiện ác trong A lại da đều không khởi hiện hành. Hình như đã đạt được tâm thanh tịnh, thật ra không phải, họ còn kém một bậc. Vì sao vậy? Họ còn khởi tâm động niệm. Đến không khởi tâm không động niệm, nghĩa là sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần. Mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, trong sinh hoạt hằng ngày không khởi tâm không động niệm, như vậy là không dùng A lại da. Không dùng A lại da là chuyển A lại da thành tứ trí bồ đề, A lại da biến thành đại viên cảnh trí, Mạt na thức biến thành bình đẳng tánh trí, đệ lục ý thức biến thành diệu quan sát trí, tiền ngũ thức biến thành thành sở tác trí, thành tựu sự nghiệp của Bồ Tát.

Sự nghiệp Bồ Tát là gì? Là độ chúng sanh, thành tựu sự nghiệp độ chúng sanh. Nên đều gọi là trí tuệ, không gọi phiền não. Điều này chúng ta thường nghe trong kinh nói: “chuyển phiền não thành bồ đề”. Cho nên công phu thật sự là nắm bắt được điều này, sẽ biết được nên tu như thế nào. Trong cuộc sống hằng ngày từ sáng đến tối, thấy sắc nghe âm thanh, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, huấn luyện điều gì? Huấn luyện không chấp trước không phân biệt, không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm là chuyển A lại da thức, không phân biệt là chuyển đệ lục ý thức, không chấp trước là chuyển Mạt na thức, công phu thật sự! Nếu chúng ta vẫn dùng đệ lục ý thức để phân biệt, nghiên cứu kinh giáo, đang phân biệt kinh giáo, như vậy không được. Đây là học gì? Đây là Phật học, đây không phải học Phật, học Phật không dùng phân biệt. Không dùng phân biệt, để kinh trước mặt có hiểu được chăng? Hiểu, chẳng những hiểu, mà còn thâm nhập. Nghĩa là một số người cùng xem kinh này, nhưng họ không hiểu được ý nghĩa, quý vị lại thấy có rất nhiều ý nghĩa, mỗi chữ mỗi câu đều vô lượng nghĩa. Nói thật với quý vị, mỗi chữ, trong mỗi chữ có bao nhiêu ý nghĩa? Tất cả biến pháp giới hư không giới đều ở trong này. Đừng nói là một cuốn, mà chỉ trong một câu này, trong một chữ này, vậy mà không ai tin. Nhưng đây là thật, hoàn toàn không phải giả. Một thông tất cả đều thông, hưởng gì một bộ kinh thông.

Một câu thông là thông tất cả, một chữ thông cũng thông tất cả, vì sao vậy? Xung tánh. Không có pháp nào không phải tự tánh biến hiện ra, chỉ cần kiến tánh là thông hoàn toàn, đạo lý là như vậy.

Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, thật sự học đại thừa không được dùng tư tưởng. Nhưng tư tưởng dùng thành thói quen, dùng tư tưởng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Bây giờ có người nói phải dùng trực giác, rất có lý, đừng nghĩ đến nó. Vừa thấy, vừa nghe, vừa tiếp xúc liễu thấu triệt hoàn toàn, dùng trực giác đừng nghĩ đến nó. Không nghĩ đến nó là sao? Đây chính là định, ta dùng tâm thanh tịnh, mới bắt đầu luyện điều này. Sau khi luyện được tâm thanh tịnh thì luyện tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng là gì? Toàn thể vũ trụ với ta là nhất thể, lấy điều này làm nòng cốt. Tuyệt đối không có phân biệt, vì sao vậy? Vì sắc thọ tướng hành thức hoàn toàn tương đồng! Sắc là giả, căn bản không có thứ này, thọ tướng hành thức có. Thọ tướng hành thức từ đâu mà có? Trong tự tánh vốn đầy đủ kiến văn giác tri, trong tự tánh gọi là kiến văn giác tri. Giác ngộ gọi là kiến văn giác tri, mê gọi là thọ tướng hành thức. Nó là một thứ, nhưng có hai mặt mê và ngộ. Vật chất là giả, do thọ tướng hành thức biến hiện. Trong kinh điển Pháp tướng tông nói rất rõ ràng, nói về khởi nguồn của vật chất. Trước tiên có kiến phần, phải thấy được kiến phần, liền xuất hiện tướng phần, nên tướng phần là hư vọng.

Ngày nay các nhà khoa học giải thích với chúng ta rằng, bản chất của hiện tượng vật chất là tích lũy của hiện tượng tinh thần, huyền tướng do tích lũy liên tục sanh ra. Vì sao hiện tượng vật chất có nhiều loại như vậy? Trong Hoàn Nguyên Quán nói xuất sanh vô tận. Câu nói này của quốc sư Hiền Thủ là lấy từ trong kinh, trong kinh điển. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói “xuất sanh vô tận”. Đều là gì, không có gì là thật, giống như kính vạn hoa vậy, chúng ta mới thật sự hiểu được chân tướng này. Trong vật chất có rất cứng, có rất mỏng manh như không khí. Đây là các nhà khoa học giải thích cho chúng ta biết, do tần suất khác nhau. Tần suất chậm biến thành thể cứng, tần suất nhanh hơn một chút trở thành mềm hơn, giống như cây cỏ hoa lá hoặc da thịt chúng ta, nhanh hơn nữa liền biến thành sóng điện từ. Hoàn toàn là do tần suất khác nhau mà biến hóa ra những thứ này, chúng ta không biết. Những thứ nó biến hiện ra, sanh diệt vô cùng nhanh chóng. Một giây từ trong đời của Bồ Tát Di Lặc chúng ta có thể lãnh hội được. Một giây nếu khảy móng tay năm lần, là 1600 triệu lần sanh diệt, như vậy làm sao là thật được? Chúng ta hoàn toàn xem nó như thật, đây là phân biệt chấp trước. Cho nên phân biệt chấp trước là phiền não nghiêm trọng, đặc biệt là chấp trước tạo ra luân hồi lục đạo. Không chấp trước, lục đạo liền biến mất. Không phân biệt, mười pháp giới không còn. Trong kinh điển nói: phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, chúng ta phải nắm bắt nguyên lý này.

Trong cuộc sống hằng ngày tu hành ở đâu? Ở ngay trong sinh hoạt đời thường. Không cần dồn hết tâm trí, như vậy là sai. Các bậc tổ sư đại đức tận lực chế ra những

nghi thức quy củ này, đó là để làm gì? Để độ chúng sanh, một loại phương tiện để tiếp dẫn đại chúng. Chúng ta cố ý làm như vậy là để biểu diễn cho đại chúng học hỏi, khiến họ khởi tâm động niệm, tiếp dẫn họ.

Phật pháp khiêm tốn, Phật pháp là sư đạo. Người thầy thật sự có học vấn, có đạo đức, quý vị thỉnh giáo họ: Tôi vô đức vô năng, không có sở trường nào cả. Họ nói là thật chăng? Là thật, không sai, họ nói thật nhưng ta không tin, cho nên làm gì có chuyện thầy đi chiêu sinh? Rất can đảm! Bây giờ gọi là chiêu sinh, cô nhân thấy vậy là giật mình, sao quý vị dám chiêu sinh? Coi mình là thầy, quá cuồng vọng, như vậy phải làm sao? Một người thầy tốt giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bản thân ngài không biểu lộ thái độ, lại rất khiêm tốn. Chúng ta biết thì học theo ngài, không biết phải làm sao? Học sinh chúng ta phải làm ta tấm gương tốt, sanh khởi tâm cung kính đối với họ. Người khác thấy vậy, chúng ta đến học theo họ, ý là như vậy. Nên những hình tượng đó gọi là quảng cáo chiêu sinh, phải hiểu điều này.

Trước đây học Phật, đại sư Chương Gia nói: Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức, tự tu phải trọng thực chất. Hình thức, tôi mới biết chiêu sinh. Căn tánh chúng sanh không giống nhau, nên chủng loại hình thức cũng không giống nhau, chủng loại nào cũng tốt cả, đều có thể thu nhiếp tất cả chúng sanh đi vào, khiến họ thấy được sanh tâm hoan hỷ giác ngộ. Đều là phương pháp hay, gọi là phương tiện thiện xảo, phải hiểu điều này. Nhưng chúng ta coi thiện xảo phương tiện là thật, như vậy là sai, sai hoàn toàn. Nên sau khi tự độ mới có thể độ tha, mới có thể biểu diễn tốt được. Trong lúc biểu diễn biết được tất cả là giả, không phải thật. Chỉ là làm cho người khác noi theo, không phải cho mình thọ dụng, là tha thọ dụng, như vậy mới đúng. Đây mới thật sự gọi là tùy duyên diệu dụng.

Từ xưa đến nay những văn nghệ biểu diễn, Phu tử có một tiêu chuẩn: “tư vô tà”. Phương thức biểu diễn rất nhiều, nhưng phương châm chỉ đạo chỉ có một. Không được để cho người xem, nghe, tiếp xúc sinh ra tư tưởng tà ngụy, như vậy là sai. Tà chánh phân biệt từ chỗ này.

Phật giáo vượt khỏi điều này, cao hơn tiêu chuẩn này nhiều. Trong quá trình biểu diễn, trong lúc lợi tha ta phải giữ tâm thanh tịnh của mình, phải dùng tiêu chuẩn của Phật pháp. Tức là năm chữ trong Kinh Vô Lượng Thọ: “thanh tịnh bình đẳng giác”. Trong lúc biểu diễn, biểu diễn cho tất cả chúng sanh, trong này không đánh mất thanh tịnh bình đẳng giác, đó nghĩa là diệu dụng. Biểu diễn là tùy duyên, nếu đánh mất thanh tịnh bình đẳng giác, như vậy ta bị phạm phu dẫn dắt. Ta độ người, sau cùng bị người dẫn đi. Như vậy không phải giống họ sao? Khởi tâm động niệm, khiến cho tất cả tập khí phiền não của chúng ta đều khởi hiện hành, như vậy là sai.

Bởi vậy ở đây chúng ta phải coi trọng việc trì giới, chưa đến trình độ nhất định không thể biểu diễn, vừa biểu diễn đã bị người khác dắt đi. Ta đi độ chúng sanh, kết quả lại bị chúng sanh khiến cho mê hoặc.

Hòa thượng xuống tóc cho tôi, tức là pháp sư Tâm Ngô, thầy thế phát cho tôi. Hai năm sau thầy hoàn tục, kết hôn với Phật tử nữ của thầy. Thầy độ cô ta, không ngờ lại bị cô ta cám dỗ, còn quá trẻ. Lúc đó thầy nhỏ hơn tôi một tuổi, tôi lớn hơn thầy một tuổi. Thầy biết giảng kinh, cũng biết viết bài, khi tôi chưa xuất gia, chúng tôi thường hay giao tiếp, là bạn bè của nhau. Nên khi tôi học kinh điển với thầy Lý ở Đài Trung, có ý xuất gia, thầy đến tìm tôi. Hình như trong vòng hai tháng, đến tìm tôi chín lần. Tôi thấy tâm ông ta rất khẩn thiết nên đã đồng ý, đến chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, lúc đó ông ta làm trú trì, và xuống cho tôi. Nên còn quá trẻ làm trú trì rất nguy hiểm.

Cổ nhân thầy lý nói với tôi, sau 40 tuổi mới có thể đi giảng kinh, có chút định lực khi tiếp xúc với đại chúng bên ngoài, trước 40 tuổi vẫn chưa ổn định. Chúng tôi ở Đài Trung tuân thủ lời dạy này của thầy Lý. Trước 40 tuổi học giảng kinh là luyện tập, ở trong nhà không ra ngoài, không nhận lời mời bên ngoài, chỉ ở nhà luyện tập Liên Xã Đài Trung, thư viện Từ Quang ở Đài Trung, còn một ngôi chùa, trú trì là một ni sư, cũng là học trò của thầy Lý. Chúng tôi chỉ luyện tập giảng kinh nơi ba chỗ này, không được ra bên ngoài giảng. Thầy quy định phải trên bốn mươi tuổi, nhưng lúc đó chúng tôi chưa đến 40 tuổi, không được ra ngoài giảng kinh. Cửa ải này thầy giữ rất nghiêm khắc, chỉ sợ chúng tôi chưa đủ định lực, dễ bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài. Bởi thế làm thầy rất khó, học trò nghe lời, nếu học trò không nghe lời họ sẽ ra đi. Có, nhưng không nhiều, không phải không có. Những người rời thầy sớm, đều không có thành tựu, vấn đề này về sau chúng tôi đều nhìn thấy.

Ngày nay nói đến kinh nghiệm, đây là kinh nghiệm nhiều năm của tôi, cảm nhận được một cách sâu sắc. Giới luật phải học từ Đệ Tử Quy, phải học từ Cảm Ứng Thiên. Từ trong Đệ Tử Quy học luân lý đạo đức, từ trong Cảm Ứng Thiên học nhân quả. Sức mạnh của nhân quả, lớn mạnh hơn nhiều so với sức mạnh của Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy ba phần sức mạnh, Cảm Ứng Thiên có bảy phần sức mạnh. Con người mặc dù học rất tốt luân lý đạo đức, nhưng vẫn động tâm trước địa vị danh lợi, vẫn là biết mà cứ phạm. Vì sao vậy? Vì không vượt qua được sự cám dỗ của danh lợi, điều này trong lịch sử rất nhiều, không phải họ không hiểu. Nhưng người hiểu nhân quả họ không dám, vì sao vậy? Người biết nhân quả, họ sẽ nghĩ đến tương lai như thế nào? Bây giờ ta có được địa vị, có được của cải này, không phải là thủ đoạn chính đáng, được rồi tương lai cũng phải trả, giết người phải đền mạng. Chưa nghe nói giết người, nói cho chur vị biết, nạo thai chính là giết người, có cần đền mạng chẳng, quý vị có dám chẳng? Không dám! Quý vị nợ mạng nợ tiền người khác, đều là việc phiền phức, oan oan tương báo không bao giờ dứt, quý vị dám chẳng? Bởi vậy một ý niệm bất thiện làm tổn thương chúng sanh, trên thực tế là tổn thương chính mình, gọi là lực phản kháng.

Quý vị đánh ra nó lại dội ngược về mình, rất nhanh. Cho nên nhân quả có bảy phần sức mạnh câu thúc con người, Đệ Tử Quy chỉ có ba phần sức mạnh.

Phật pháp đến viên mãn, giới luật sơ học của Phật pháp rất đơn giản, chỉ mười điều, Thập Thiện Nghiệp: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ý ngữ, không tham, không sân, không si. Nhưng nếu không có hai nền tảng của Nho và Đạo giáo, ta không thực hành được Thập Thiện Nghiệp. Có nền tảng luân lý, đạo đức, nhân quả, nền tảng sâu dày sẽ thực hành được thập thiện. Cho nên Thập Thiện Nghiệp Đạo gọi là pháp nhân thiên, đời sau không mất thân người, tu thật tốt đời sau được sanh lên cõi trời, đây là tiêu chuẩn của pháp nhân thiên. Lên cao hơn nữa là Thanh văn bồ đề, Duyên giác bồ đề, đây là tứ thánh pháp giới. Tiếp tục lên nữa là vô thượng bồ đề. Căn bản của cứu cánh quả Phật đều ở Thập thiện nghiệp. Gốc của Thập thiện nghiệp là Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy. Quý vị có thể không nỗ lực để học chăng? Không tinh tấn học không được.

Tuổi tác đã lớn, bây giờ khi tuổi tác đã lớn, chúng ta phải dùng một giáp làm tiêu chuẩn. Trên 60 tuổi, nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà. Chưa học Đệ Tử Quy không sao, chưa học Cảm Ứng Thiên cũng không sao, hãy giữ vững Thập Thiện Nghiệp Đạo, niệm niệm không quên, vĩnh viễn không bỏ một câu A Di Đà Phật.

Trước đây thầy Lý dạy chúng tôi, tu Tịnh độ là phải đổi tâm, phải đổi tâm. Thay đổi tâm như thế nào? Đổi thành Phật A Di Đà. Tâm tôi chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm tôi. Hay nói cách khác, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra, đều vứt bỏ hết. Đây gọi là gì? Đây gọi là đạo cộng giới, Phật A Di Đà mọi giới luật đều đã viên mãn. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, không có gì khác, đây là gì? Đối với người lớn tuổi nhất tâm chuyên chú. Những trò của thế gian đều đã thấy, không có gì kỳ lạ, không muốn xem thêm nữa, nhất tâm cầu sanh Tịnh độ, như vậy là đúng, không có ai không vãng sanh.

Phát tâm như vậy, trong Di Đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích nói: Tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề, nói rất hay. Tâm bồ đề là gì, không hiểu, không biết. Quý vị xem, rất nhiều ông bà cụ, họ chỉ biết một câu A Di Đà Phật, khi lâm chung họ đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, không hề bệnh hoạn. Chúng tôi tận mắt chứng kiến, đây không phải giả. Quý vị hỏi họ Đệ Tử Quy là gì, họ không biết, họ cũng không biết đến Cảm Ứng Thiên. Suốt đời thật thà trung hậu, tuyệt đối không có tâm hại người, niệm rớt ráo một câu A Di Đà Phật. Có người mỗi ngày tụng một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, có người không tụng Kinh Vô Lượng Thọ.

Quý vị thấy người đệ tử làm nghề thợ hàn của hòa thượng Đế Nhân, Kinh Di Đà cũng không biết đọc, chỉ niệm một câu A Di Đà Phật mà thành tựu, quả là không thể nghĩ bàn. Chúng ta không thể không biết điều này. Bởi vậy chỉ cần nhất tâm sẽ tiếp

cận với thiên định, nhất tâm đến trong tâm không có chút tạp loạn nào, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là trí tuệ, bản thân ta biểu hiện trên đóa sen tướng khi vãng sanh, đó nghĩa là giáo hóa chúng sanh. Khiến rất nhiều người nhìn thấy liên sanh khởi tín tâm, niệm Phật quả thật rất hay, mỗi người đều làm được, mỗi người đều có thể thành tựu viên mãn ngay trong đời này, tại sao chúng ta không thực hành?

Lần này chúng ta giảng tường tận bộ kinh này, tôi dự tính khoảng 1000 tiếng đồng hồ là giảng xong. Mục đích là gì? Mục đích là để lại cho hậu nhân, thời kỳ mạt pháp còn 9000 năm, trong 9000 năm này độ chúng sanh thành Phật đạo. Bây giờ chúng ta có thể cảm nhận được, chính là bộ kinh này. Nên chúng tôi phải bỏ ra một ít thời gian, để giảng giải bộ kinh này. Đương nhiên chính mình nhất định phải thay đổi tâm, không để tâm có tạp niệm, chân thành niệm Phật. Mọi việc trong thế gian chỉ tùy duyên mà không phan duyên, có nhân duyên lợi ích chúng sanh chúng ta phải làm, không có duyên thì thôi đừng tìm kiếm, như vậy mới đúng. Có nhân duyên, đó là Phật Bồ Tát để chúng ta làm, không có duyên Phật Bồ Tát dạy chúng ta chân thành học Kinh Vô Lượng Thọ, thật thà niệm Phật. Tốt, tâm sẽ định, không bị dao động. Tâm định, tâm thanh tịnh.

Cho nên thấy ba chữ này: Trì giới, thiên định, trí tuệ, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong việc tu hành, tất cả không có phương pháp nào bằng. Tất cả pháp không có gì bình đẳng với nó, đương nhiên cũng không thể vượt qua nó, nên gọi là vô Thượng. Vô Thượng Sĩ chúng ta chỉ học đến đây.

Hôm nay hết giờ rồi.

Hết tập 160